

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị
- Tên Chủ đầu tư: Trường Tiểu học Đồng Kỵ 2
- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước năm 2025

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.2.1 Phạm vi công việc

Phạm vi công việc của nhà thầu chào hàng bao gồm (nhưng không hạn chế) các nội dung sau:

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa tới địa điểm cung cấp;
- Thi công, lắp đặt hàng hóa;
- Bảo quản, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa;
- Vận chuyển các hàng hóa theo đúng vị trí và yêu cầu của Bên mời thầu;
- Bàn giao hàng hóa phải thỏa mãn các yêu cầu của E-HSMT. Chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa;
- Bảo hành hàng hóa theo hợp đồng;

2.2.2 Các yêu cầu chung về hàng hóa cung cấp

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa;

- Chất lượng: Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 đến thời điểm cung cấp, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng

- Tài liệu kỹ thuật trong HSDT: Nhà thầu phải cung cấp catalogue, tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật chào thầu, nếu là ngôn ngữ không phải Tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch);

- Thời gian bảo hành đối với các hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ thời điểm nhà thầu nghiệm thu bàn giao cho đơn vị sử dụng tài sản.

- Nhà thầu phải cung cấp các chứng chỉ cần thiết đối với hàng hóa và dịch

vụ cung cấp như: Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (mã hiệu, hãng, nước, năm sản xuất), các thông số kỹ thuật, ...

- Thiết bị được cung cấp tới địa điểm yêu cầu của E-HSMT phải trong dạng đóng gói của Nhà sản xuất; các thông số bên trong phải phù hợp với đặc tính kỹ thuật được thoả thuận trong hợp đồng. Bất kỳ sự thay đổi nguồn gốc, chủng loại, quy cách kỹ thuật nào sẽ không được chấp thuận nếu không có sự đồng ý của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Nhà thầu phải đảm bảo có hàng hóa thay thế sẵn sàng cho hàng hóa cung cấp trong trường hợp hàng hóa cung cấp có sự cố để đảm bảo việc sử dụng không gián đoạn của toàn bộ hàng hóa.

2.2.3 Nghiệm thu bàn giao

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng qui định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình nhận được chứng chỉ hoàn thành công việc..

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết dưới đây để minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng, sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

| Hạng mục số | Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|-------------|--------------------------------|--|
| 1 | Điều hòa 18.000 BTU | ĐIỀU HÒA MIDEA hoặc tương đương MDV/MVAFC-18CRDN8 Thông số kỹ thuật Nguồn cấp Dàn lạnh V/Ph/Hz 220~240/1/50 Dàn nóng V/Ph/Hz Công suất làm lạnh Định mức (Tối thiểu ~ Tối đa) kW 5.3 (3.8~7.6) / Btu/h 17500 (10500~21000) Công suất sưởi ấm Định mức (Tối thiểu ~ Tối đa)kW / Btu/h Công suất tiêu thụ Làm lạnh W 1748 (830~2699) Sưởi ấm không |

| | | |
|--|--|--|
| | | <p>Chỉ số hiệu quả năng lượng EER (Làm lạnh) W/W 2.85 COP (sưởi ấm)W/W - 0 CSPF*Wh/Wh 4.47 Dàn lạnh Màu mặt nạ trắng Quạt lưu lượng gió m3/h 737/625/501 Tốc độ (cao/ trung bình/thấp) r/min 1130/1000/850 Độ ồn (cao/trung bình/thấp) (3)dB(A)41/37/31.5 Kích thước (rộng*dài*cao) mm 957x213x302 Đóng gói (rộng*dài*cao) mm 1035x295x385 Trọng lượng tịnh tổng kg 10.85/14 Phạm vi hoạt động Làm lạnh 0C 17~32 Sưởi 0C – không Diện tích phòng có khả năng làm lạnh được (tiêu chuẩn) m2 23~33 Dàn nóng Lưu lượng gió m3/h2100 Máy nén Loại Rotary Công suất động cơ W4385 Loại môi chất lạnh Loại R.32 Đã nạp kg 0.65 Độ ồn Làm lạnh/ sưởi ấm dB(A) 55.5 Chế độ yên tĩnh ban đêm dB(A) không Kích thước (rộng*dài*cao)mm 765x303x555 Đóng gói (rộng*dài*cao) mm 887x337x610 Trọng lượng tịnh tổng kg27.2/29.4 Phạm vi hoạt động Làm lạnh 0C 0~50 Sưởi 0C không Kết nối đường ống Ống lỏng / ống hơi (loe) mm 6.35/12.7 Ống xả (dàn lạnh/dàn nóng) mm ODΦ16/ODΦ16 Chiều dài ống đồng tối đa nối các thiết bị m 30 Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt m 20 Hệ thống dây điện kết nối 2.5x4 Hệ thống dây điện cấp nguồn 2.5x3 Xuất xứ: thailand</p> |
|--|--|--|

Nhà thầu tham gia dự thầu khi chào giá có trách nhiệm xây dựng giá cả bao gồm (chi phí thiết bị + phụ kiện lắp đặt + nhân công lắp đặt) phần phụ kiện Chủ đầu tư xây dựng giá trên cơ sở tạm tính khi trúng thầu Chủ đầu tư sẽ nghiệm thu theo thực tế thi công và theo hiện trạng công trình nhưng không vượt quá giá trị Nhà thầu chào giá.

Theo quy định tại điểm c) Khoản 9 Điều 26 Nghị định 214/NĐ-CP ngày 04/8/2025: Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có).

- Nhà thầu được phép chào hàng hóa tương đương hoặc cao hơn yêu cầu tại bảng trên

1.3. Các yêu cầu khác

- Biện pháp cung cấp, lắp đặt hàng hóa tổng thể và biện pháp cung cấp, lắp đặt hàng hóa chi tiết;

- Thiết bị và nhân công: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp các thiết bị, các trang thiết bị phụ trợ và lao động cần thiết cho việc thực hiện gói thầu.

- Các biện pháp bảo đảm chất lượng: Trước khi tiến hành lắp đặt, tất cả các hàng hóa, vật tư thiết bị nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư nghiệm thu, đồng thời phải gửi kèm theo 01 bản gốc và 01 bản sao những tài liệu sau đây:

* Chứng chỉ bảo hành của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp

* Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa, giấy chứng nhận đã nộp các khoản thuế và lệ phí (cho hàng hóa nhập khẩu)

* Chứng chỉ chất lượng.

- Hàng hóa còn nguyên đai, nguyên kiện. Nội dung hướng dẫn sử dụng, bảo quản hàng hóa theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất.

- Giao hàng: Trước khi giao hàng, nhà thầu phải báo trước kế hoạch giao hàng 01 ngày, đồng thời lập danh sách cán bộ tham gia giao hàng để phối hợp với Cán bộ của Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra và thực hiện chạy thử các thiết bị chính. Sau khi hàng hóa được kiểm tra, Chủ đầu tư sẽ giao lại cho Nhà thầu và yêu cầu nhà thầu lắp đặt tại nơi sử dụng.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra kiểu dáng, nhãn mác, hình thức hàng hóa.

- Kiểm tra thông số so với các yêu cầu của E-HSMT và bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Toàn bộ hàng hóa phải được thử nghiệm nếu có, kiểm tra để chứng tỏ rằng hàng hóa thỏa mãn toàn bộ các yêu cầu của điều kiện kỹ thuật này. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các hàng hóa, dụng cụ cần thiết, lao động và các phí tổ chức thử nghiệm cần thiết khác để tiến hành thử nghiệm hàng hóa bằng chi phí của mình,

kể cả chi phí thay thế mới các chi tiết bị hư hỏng hay buộc phải hư hỏng sau sử dụng, kể cả chi phí điện thử nghiệm. Các chi phí này cần đưa vào ngay đề xuất tài chính của nhà thầu khi chào hàng. Nếu trong E-HSDT không chỉ rõ chi phí này thì được hiểu là đã bao gồm trong giá các thiết bị có liên quan.

- Toàn bộ các thử nghiệm phải tiến hành với sự có mặt của giám sát và của cơ quan có thẩm quyền về nghiệm thu.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung